SỞ TƯ PHÁP TỈNH KON TUM
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
Số: 54 /QC-ĐGTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 05 tháng 3 năm 2024

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 và Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 03/2023/HĐDVĐGTS ngày 24/11/2023, giữa Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và Văn bản số 42/CV-BQL ngày 04/3/2024 của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy, về việc tiếp tục tổ chức thông báo đấu giá quyền sử dụng đất tại Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mo Rai, huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum (đợt 2);

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, ban hành Quy chế cuộc đấu giá tài sản gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ và bước giá.

1. Tài sản đấu giá là: Quyền sử dụng đất thuộc Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại Làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (đợt 2). Tổng số lô đất đấu giá là: 459 lô. Tổng diện tích đấu giá là: 122.778 m^2, với tổng giá khởi điểm là: 54.984.610.400 đồng, cụ thể diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá, tiền hồ sơ của từng lô (thửa) đất cụ thể như sau:

STT	Khu đất	Số lô	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm	Tiền đặt trước	Tiền hồ sơ	Bước giá	Ghi chú
I	**KHU OT3**							
1	OT3	Lô số 1	240	113.520.000	22.704.000	100.000	3.000.000	
2	OT3	Lô số 2	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
3	OT3	Lô số 3	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
4	OT3	Lô số 4	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	

5	OT3	Lô số 5	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
6	OT3	Lô số 6	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
7	OT3	Lô số 7	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
8	OT3	Lô số 8	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
9	OT3	Lô số 9	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
10	OT3	Lô số 10	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
11	OT3	Lô số 11	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
12	OT3	Lô số 12	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
13	OT3	Lô số 13	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
14	OT3	Lô số 14	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
15	OT3	Lô số 15	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
16	OT3	Lô số 16	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
17	OT3	Lô số 17	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
18	OT3	Lô số 18	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
19	OT3	Lô số 19	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
20	OT3	Lô số 20	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
21	OT3	Lô số 21	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
22	OT3	Lô số 22	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
23	OT3	Lô số 23	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
24	OT3	Lô số 24	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	

25	OT3	Lô số 25	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
II	**KHU OT4**							
26	OT4	Lô số 1	545	335.720.000	67.144.000	200.000	3.000.000	
27	OT4	Lô số 2	256	114.944.000	22.988.800	100.000	3.000.000	
28	OT4	Lô số 6	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
29	OT4	Lô số 7	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
30	OT4	Lô số 8	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
31	OT4	Lô số 9	240	113.520.000	22.704.000	100.000	3.000.000	
III	**KHU OT5**							
32	OT5	Lô số 1	289,8	169.533.000	33.906.000	100.000	3.000.000	
33	OT5	Lô số 4	303,5	169.353.000	33.870.000	100.000	3.000.000	
IV	**OT6**							
34	OT6	Lô số 1	266.6	132.233.600	26.446.000	100.000	3.000.000	
35	OT6	Lô số 2	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
36	OT6	Lô số 3	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
37	OT6	Lô số 4	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
38	OT6	Lô số 5	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
39	OT6	Lô số 6	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
40	OT6	Lô số 7	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
41	OT6	Lô số 8	320.6	151.002.600	30.200.000	100.000	3.000.000	

42	OT6	Lô số 9	302.6	142.524.600	28.504.000	100.000	3.000.000	
43	OT6	Lô số 10	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
44	OT6	Lô số 11	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
45	OT6	Lô số 12	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
46	OT6	Lô số 13	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
47	OT6	Lô số 22	354	196.116.000	39.223.000	100.000	3.000.000	
48	OT6	Lô số 23	290	160.660.000	32.132.000	100.000	3.000.000	
49	OT6	Lô số 26	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
50	OT6	Lô số 27	232	104.168.000	20.833.000	200.000	3.000.000	
51	OT6	Lô số 31	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
52	OT6	Lô số 32	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
53	OT6	Lô số 33	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
54	OT6	Lô số 34	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
55	OT6	Lô số 35	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
56	OT6	Lô số 36	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
57	OT6	Lô số 37	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
58	OT6	Lô số 38	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
59	OT6	Lô số 39	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
60	OT6	Lô số 40	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
61	OT6	Lô số 41	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	

62	OT6	Lô số 42	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
63	OT6	Lô số 43	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
64	OT6	Lô số 44	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
65	OT6	Lô số 45	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
66	OT6	Lô số 46	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
67	OT6	Lô số 47	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
68	OT6	Lô số 48	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
69	OT6	Lô số 49	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
70	OT6	Lô số 50	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
71	OT6	Lô số 51	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
72	OT6	Lô số 52	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
73	OT6	Lô số 53	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
74	OT6	Lô số 54	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
75	OT6	Lô số 55	298,7	134.116.300	26.823.000	100.000	3.000.000	
76	OT6	Lô số 56	220,0	98.780.000	19.756.000	100.000	3.000.000	

77	OT6	Lô số 57	220,0	98.780.000	19.756.000	100.000	3.000.000	
78	OT6	Lô số 58	351,0	166.023.000	33.204.000	100.000	3.000.000	
V	**KHU OT11**							
79	OT11	Lô số 1	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
80	OT11	Lô số 2	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
81	OT11	Lô số 3	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
82	OT11	Lô số 4	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
83	OT11	Lô số 5	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
84	OT11	Lô số 6	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
85	OT11	Lô số 7	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
86	OT11	Lô số 8	230	98.440.000	19.688.000	100.000	3.000.000	
87	OT11	Lô số 9	230	98.440.000	19.688.000	100.000	3.000.000	
88	OT11	Lô số 10	230	98.440.000	19.688.000	100.000	3.000.000	
89	OT11	Lô số 11	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
90	OT11	Lô số 12	332.8	142.438.400	28.487.000	100.000	3.000.000	
91	OT11	Lô số 13	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
92	OT11	Lô số 14	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
93	OT11	Lô số 15	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
94	OT11	Lô số 16	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	

95	OT11	Lô số 17	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
96	OT11	Lô số 18	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
97	OT11	Lô số 19	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
98	OT11	Lô số 20	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
99	OT11	Lô số 21	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
100	OT11	Lô số 22	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
101	OT11	Lô số 23	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
102	OT11	Lô số 24	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
103	OT11	Lô số 25	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
104	OT11	Lô số 26	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
105	OT11	Lô số 27	342.6	146.632.800	29.326.000	100.000	3.000.000	
106	OT11	Lô số 29	445	246.530.000	49.306.000	200.000	3.000.000	
107	OT11	Lô số 31	232	109.272.000	21.854.000	200.000	3.000.000	
108	OT11	Lô số 32	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
109	OT11	Lô số 34	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
110	OT11	Lô số 35	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
111	OT11	Lô số 36	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
112	OT11	Lô số 37	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
113	OT11	Lô số 38	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
114	OT11	Lô số 39	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	

115	OT11	Lô số 40	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
116	OT11	Lô số 41	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
117	OT11	Lô số 42	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
118	OT11	Lô số 43	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
119	OT11	Lô số 44	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
120	OT11	Lô số 45	274.7	129.383.700	25.876.000	100.000	3.000.000	
121	OT11	Lô số 46	605.8	285.331.800	57.066.000	200.000	3.000.000	
122	OT11	Lô số 47	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
123	OT11	Lô số 48	232	109.272.000	21.854.000	200.000	3.000.000	
124	OT11	Lô số 49	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
125	OT11	Lô số 51	230.5	108.565.500	21.854.000	100.000	3.000.000	
126	OT11	Lô số 52	205.1	96.602.100	19.320.000	100.000	3.000.000	
127	OT11	Lô số 54	288	137.088.000	27.417.000	100.000	3.000.000	
128	OT11	Lô số 55	375.8	188.275.800	37.655.000	100.000	3.000.000	
VI	**KHU OT12**							
129	OT12	Lô số 4	320	142.080.000	28.416.000	100.000	3.000.000	
130	OT12	Lô số 21	320	149.120.000	29.824.000	100.000	3.000.000	
131	OT12	Lô số 35	320	177.280.000	35.456.000	100.000	3.000.000	
VII	**KHU OT13**							
132	OT13	Lô số 1	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	

133	OT13	Lô số 2	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
134	OT13	Lô số 3	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
135	OT13	Lô số 4	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
136	OT13	Lô số 5	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
137	OT13	Lô số 6	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
138	OT13	Lô số 7	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
139	OT13	Lô số 8	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
140	OT13	Lô số 9	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
141	OT13	Lô số 10	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
142	OT13	Lô số 11	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
143	OT13	Lô số 12	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
144	OT13	Lô số 13	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
145	OT13	Lô số 14	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
146	OT13	Lô số 15	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
147	OT13	Lô số 16	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
148	OT13	Lô số 17	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
149	OT13	Lô số 18	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
150	OT13	Lô số 19	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
151	OT13	Lô số 33	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
152	OT13	Lô số 34	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	

153	OT13	Lô số 35	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
154	OT13	Lô số 36	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
155	OT13	Lô số 37	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
156	OT13	Lô số 38	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
157	OT13	Lô số 39	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
158	OT13	Lô số 40	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
159	OT13	Lô số 41	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
160	OT13	Lô số 42	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
161	OT13	Lô số 43	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
162	OT13	Lô số 44	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
163	OT13	Lô số 45	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
164	OT13	Lô số 46	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
165	OT13	Lô số 47	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
166	OT13	Lô số 48	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
167	OT13	Lô số 49	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
168	OT13	Lô số 50	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
169	OT13	Lô số 51	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
170	OT13	Lô số 52	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
171	OT13	Lô số 53	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
172	OT13	Lô số 54	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	

173	OT13	Lô số 55	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
174	OT13	Lô số 56	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
175	OT13	Lô số 57	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
176	OT13	Lô số 58	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
177	OT13	Lô số 59	232	99.296.000	19.859.000	200.000	3.000.000	
178	OT13	Lô số 60	238	119.238.000	23.847.000	100.000	3.000.000	
179	OT13	Lô số 61	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
180	OT13	Lô số 62	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
181	OT13	Lô số 63	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
182	OT13	Lô số 64	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
183	OT13	Lô số 65	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
	KHU OT20							
184	OT20	Lô số 23	224.7	92.127.000	18.425.000	100.000	3.000.000	
185	OT20	Lô số 24	248	101.680.000	20.336.000	100.000	3.000.000	
186	OT20	Lô số 25	235	96.350.000	19.270.000	100.000	3.000.000	
187	OT20	Lô số 26	233.7	95.817.000	19.163.000	100.000	3.000.000	
	KHU OT1							
188	OT1	Lô số 1	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
189	OT1	Lô số 2	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
190	OT1	Lô số 3	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	

191	OT1	Lô số 4	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
192	OT1	Lô số 5	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
	KHU OT2							
193	OT2	Lô số 1	438.8	230.808.800	46.161.000	200.000	3.000.000	
194	OT2	Lô số 2	486.2	229.972.600	45.994.000	200.000	3.000.000	
195	OT2	Lô số 3	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
196	OT2	Lô số 4	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
197	OT2	Lô số 5	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
198	OT2	Lô số 6	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
199	OT2	Lô số 7	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
200	OT2	Lô số 8	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
201	OT2	Lô số 9	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
202	OT2	Lô số 10	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
203	OT2	Lô số 11	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
204	OT2	Lô số 12	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
205	OT2	Lô số 13	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
206	OT2	Lô số 14	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
207	OT2	Lô số 15	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
208	OT2	Lô số 16	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
XI	**KHU OT 07**							

209	OT7	Lô số 1	230.3	103.404.700	20.680.000	100.000	3.000.000	
210	OT7	Lô số 2	290.3	130.344.700	26.068.000	100.000	3.000.000	
211	OT7	Lô số 3	361.7	162.403.300	32.480.000	100.000	3.000.000	
212	OT7	Lô số 4	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
213	OT7	Lô số 5	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
214	OT7	Lô số 6	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
215	OT7	Lô số 7	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
216	OT7	Lô số 8	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
217	OT7	Lô số 9	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
218	OT7	Lô số 10	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
219	OT7	Lô số 11	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
220	OT7	Lô số 12	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
221	OT7	Lô số 13	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
222	OT7	Lô số 14	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
223	OT7	Lô số 15	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
224	OT7	Lô số 16	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
225	OT7	Lô số 17	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
226	OT7	Lô số 18	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
227	OT7	Lô số 19	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
228	OT7	Lô số 20	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	

229	OT7	Lô số 21	283.6	127.336.400	25.467.000	100.000	3.000.000	
230	OT7	Lô số 22	283	127.067.000	25.413.000	100.000	3.000.000	
231	OT7	Lô số 23	287.4	129.042.600	25.808.000	100.000	3.000.000	
232	OT7	Lô số 25	240.6	113.803.800	22.760.000	100.000	3.000.000	
233	OT7	Lô số 26	247.7	117.162.100	23.432.000	100.000	3.000.000	
234	OT7	Lô số 27	361.2	170.125.200	34.025.000	100.000	3.000.000	
235	OT7	Lô số 28	366.6	172.668.600	34.533.000	100.000	3.000.000	
236	OT7	Lô số 29	210	98.910.000	19.782.000	100.000	3.000.000	
237	OT7	Lô số 30	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
238	OT7	Lô số 31	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
239	OT7	Lô số 32	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
240	OT7	Lô số 33	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
241	OT7	Lô số 34	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
242	OT7	Lô số 35	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
243	OT7	Lô số 36	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
244	OT7	Lô số 37	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
245	OT7	Lô số 38	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
246	OT7	Lô số 39	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
247	OT7	Lô số 40	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
248	OT7	Lô số 41	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	

249	OT7	Lô số 42	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
250	OT7	Lô số 43	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
251	OT7	Lô số 44	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
252	OT7	Lô số 45	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
253	OT7	Lô số 46	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
254	OT7	Lô số 47	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
255	OT7	Lô số 48	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
256	OT7	Lô số 49	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
257	OT7	Lô số 52	222.1	104.609.100	20.921.000	100.000	3.000.000	
258	OT7	Lô số 53	322.3	151.803.300	30.360.000	100.000	3.000.000	
XII	**KHU OT 08**							
259	OT8	Lô số 1	226.4	106.634.400	21.326.000	100.000	3.000.000	
260	OT8	Lô số 2	226.4	106.634.400	21.326.000	100.000	3.000.000	
261	OT8	Lô số 3	226.7	106.775.700	21.355.000	100.000	3.000.000	
262	OT8	Lô số 4	227	106.917.000	21.383.000	100.000	3.000.000	
263	OT8	Lô số 5	227.2	107.011.200	21.402.000	100.000	3.000.000	
264	OT8	Lô số 6	227.6	107.199.600	21.439.000	100.000	3.000.000	
265	OT8	Lô số 7	228	107.388.000	21.477.000	100.000	3.000.000	
266	OT8	Lô số 8	228	107.388.000	21.477.000	100.000	3.000.000	
267	OT8	Lô số 9	228.3	107.529.300	21.505.000	100.000	3.000.000	

268	OT8	Lô số 10	228.8	107.764.800	21.552.000	100.000	3.000.000	
269	OT8	Lô số 11	228.8	107.764.800	21.552.000	100.000	3.000.000	
270	OT8	Lô số 12	276.6	130.278.600	26.055.000	100.000	3.000.000	
271	OT8	Lô số 13	235	110.685.000	22.137.000	100.000	3.000.000	
272	OT8	Lô số 17	252.3	119.337.900	23.867.000	100.000	3.000.000	
273	OT8	Lô số 18	252	119.196.000	23.839.000	100.000	3.000.000	
274	OT8	Lô số 19	251.7	119.054.100	23.810.000	100.000	3.000.000	
275	OT8	Lô số 21	229.7	103.135.300	20.627.000	100.000	3.000.000	
276	OT8	Lô số 22	217.7	97.747.300	19.549.000	100.000	3.000.000	
277	OT8	Lô số 23	229.2	102.910.800	20.582.000	100.000	3.000.000	
278	OT8	Lô số 24	228.8	102.731.200	20.546.000	100.000	3.000.000	
279	OT8	Lô số 25	228.8	102.731.200	20.546.000	100.000	3.000.000	
280	OT8	Lô số 26	228.3	102.506.700	20.501.000	100.000	3.000.000	
281	OT8	Lô số 27	228	102.372.000	20.474.000	100.000	3.000.000	
282	OT8	Lô số 28	228	102.372.000	20.474.000	100.000	3.000.000	
283	OT8	Lô số 29	227.5	102.147.500	20.429.000	100.000	3.000.000	
284	OT8	Lô số 30	227.2	102.012.800	20.402.000	100.000	3.000.000	
285	OT8	Lô số 31	269.8	121.140.200	24.228.000	100.000	3.000.000	
286	OT8	Lô số 32	307.8	145.589.400	29.117.000	100.000	3.000.000	
287	OT8	Lô số 33	226.1	106.945.300	21.389.000	100.000	3.000.000	

XIII	**KHU OT9**							
288	OT9	Lô số 1	417.5	211.255.000	42.251.000	200.000	3.000.000	
289	OT9	Lô số 2	235.3	107.061.500	21.412.000	100.000	3.000.000	
290	OT9	Lô số 3	220.8	100.464.000	20.092.000	100.000	3.000.000	
291	OT9	Lô số 4	285.2	129.766.000	25.953.000	100.000	3.000.000	
292	OT9	Lô số 5	280.6	127.673.000	25.534.000	100.000	3.000.000	
293	OT9	Lô số 6	437.9	206.250.900	41.250.000	200.000	3.000.000	
294	OT9	Lô số 7	443.8	209.029.800	41.805.000	200.000	3.000.000	
295	OT9	Lô số 8	449.7	211.808.700	42.361.000	200.000	3.000.000	
296	OT9	Lô số 9	455.6	214.587.600	42.917.000	200.000	3.000.000	
297	OT9	Lô số 10	494	232.674.000	46.534.000	200.000	3.000.000	
298	OT9	Lô số 11	537.9	242.592.900	48.518.000	200.000	3.000.000	
299	OT9	Lô số 12	466.9	210.571.900	42.114.000	200.000	3.000.000	
300	OT9	Lô số 13	460.3	207.595.300	41.519.000	200.000	3.000.000	
301	OT9	Lô số 14	453.6	204.573.600	40.914.000	200.000	3.000.000	
302	OT9	Lô số 15	447.2	201.687.200	40.337.000	200.000	3.000.000	
303	OT9	Lô số 16	439.8	198.349.800	39.669.000	100.000	3.000.000	
304	OT9	Lô số 17	431.2	194.471.200	38.894.000	100.000	3.000.000	
305	OT9	Lô số 18	422.6	190.592.600	38.118.000	100.000	3.000.000	
306	OT9	Lô số 19	414	186.714.000	37.342.000	100.000	3.000.000	

307	OT9	Lô số 20	405.4	182.835.400	36.567.000	100.000	3.000.000	
308	OT9	Lô số 21	396.7	178.911.700	35.782.000	100.000	3.000.000	
309	OT9	Lô số 22	240	108.240.000	21.648.000	100.000	3.000.000	
310	OT9	Lô số 23	240	108.240.000	21.648.000	100.000	3.000.000	
IX	**KHU OT10**							
311	OT10	Lô số 1	270.4	115.731.200	23.146.000	100.000	3.000.000	
312	OT10	Lô số 2	274.7	117.571.600	23.514.000	100.000	3.000.000	
313	OT10	Lô số 3	259.2	110.937.600	22.187.000	100.000	3.000.000	
314	OT10	Lô số 4	274	117.272.000	23.454.000	100.000	3.000.000	
315	OT10	Lô số 5	241.9	103.533.200	20.706.000	100.000	3.000.000	
316	OT10	Lô số 6	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
317	OT10	Lô số 7	238.4	119.438.400	23.887.000	100.000	3.000.000	
318	OT10	Lô số 8	221.5	105.434.000	21.086.000	100.000	3.000.000	
319	OT10	Lô số 9	221.5	105.434.000	21.086.000	100.000	3.000.000	
320	OT10	Lô số 10	434.2	227.086.600	45.417.000	200.000	3.000.000	
321	OT10	Lô số 11	358.6	168.900.600	33.780.000	100.000	3.000.000	
322	OT10	Lô số 12	436.4	205.544.400	41.108.000	200.000	3.000.000	
323	OT10	Lô số 13	274.4	129.242.400	25.848.000	100.000	3.000.000	
324	OT10	Lô số 14	253.6	119.445.600	23.889.000	100.000	3.000.000	
325	OT10	Lô số 15	227.9	113.038.400	22.607.000	100.000	3.000.000	

326	OT10	Lô số 16	212.6	100.134.600	20.026.000	100.000	3.000.000	
327	OT10	Lô số 17	212.6	100.134.600	20.026.000	100.000	3.000.000	
328	OT10	Lô số 18	230.6	108.612.600	21.722.000	100.000	3.000.000	
329	OT10	Lô số 19	230.6	108.612.600	21.722.000	100.000	3.000.000	
330	OT10	Lô số 20	249.9	123.950.400	24.790.000	100.000	3.000.000	
X	**KHU OT14**							
331	OT14	Lô số 1	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
332	OT14	Lô số 2	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
333	OT14	Lô số 3	400	180.400.000	36.080.000	100.000	3.000.000	
334	OT14	Lô số 4	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
335	OT14	Lô số 5	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
336	OT14	Lô số 6	257.1	123.150.900	24.630.000	100.000	3.000.000	
337	OT14	Lô số 7	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
338	OT14	Lô số 8	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
339	OT14	Lô số 9	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
340	OT14	Lô số 10	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
341	OT14	Lô số 11	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
342	OT14	Lô số 12	257.1	128.807.100	25.761.000	100.000	3.000.000	
343	OT14	Lô số 13	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
344	OT14	Lô số 14	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	

345	OT14	Lô số 15	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
346	OT14	Lô số 16	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
347	OT14	Lô số 17	256.4	127.174.400	25.434.000	100.000	3.000.000	
348	OT14	Lô số 18	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
349	OT14	Lô số 19	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
350	OT14	Lô số 20	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
351	OT14	Lô số 21	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
352	OT14	Lô số 22	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
353	OT14	Lô số 23	256.4	127.174.400	25.434.000	100.000	3.000.000	
XI	**KHU OT17**							
354	OT17	Lô số 1	360	140.400.000	28.080.000	100.000	3.000.000	
355	OT17	Lô số 2	403.3	157.287.000	31.457.000	100.000	3.000.000	
356	OT17	Lô số 3	413.6	161.304.000	32.260.000	100.000	3.000.000	
357	OT17	Lô số 4	445.3	173.667.000	34.733.000	100.000	3.000.000	
358	OT17	Lô số 5	444.1	173.199.000	34.639.000	100.000	3.000.000	
359	OT17	Lô số 6	443	172.770.000	34.554.000	100.000	3.000.000	
360	OT17	Lô số 7	442	172.380.000	34.476.000	100.000	3.000.000	
361	OT17	Lô số 8	440.6	171.834.000	34.366.000	100.000	3.000.000	
362	OT17	Lô số 9	439.4	171.366.000	34.273.000	100.000	3.000.000	
363	OT17	Lô số 10	438.3	170.937.000	34.187.000	100.000	3.000.000	

364	OT17	Lô số 11	437.2	170.508.000	34.101.000	100.000	3.000.000	
365	OT17	Lô số 12	436	170.040.000	34.008.000	100.000	3.000.000	
366	OT17	Lô số 13	419.8	189.329.800	37.865.000	100.000	3.000.000	
367	OT17	Lô số 14	418.5	188.743.500	37.748.000	100.000	3.000.000	
368	OT17	Lô số 15	417.6	188.337.600	37.667.000	100.000	3.000.000	
369	OT17	Lô số 16	416.5	187.841.500	37.568.000	100.000	3.000.000	
370	OT17	Lô số 17	415.2	187.255.200	37.451.000	100.000	3.000.000	
371	OT17	Lô số 18	414	186.714.000	37.342.000	100.000	3.000.000	
372	OT17	Lô số 19	412.8	186.172.800	37.234.000	100.000	3.000.000	
373	OT17	Lô số 20	411.6	185.631.600	37.126.000	100.000	3.000.000	
374	OT17	Lô số 21	410.4	185.090.400	37.018.000	100.000	3.000.000	
375	OT17	Lô số 22	339.2	154.336.000	30.867.000	100.000	3.000.000	
376	OT17	Lô số 23	372.6	169.533.000	33.906.000	100.000	3.000.000	
377	OT17	Lô số 24	405	184.275.000	36.855.000	100.000	3.000.000	
378	OT17	Lô số 25	393	178.815.000	35.763.000	100.000	3.000.000	
XII	**OT18**							
379	OT18	Lô số 1	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
380	OT18	Lô số 2	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
381	OT18	Lô số 3	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
382	OT18	Lô số 4	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	

383	OT18	Lô số 5	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
384	OT18	Lô số 6	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
385	OT18	Lô số 7	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
386	OT18	Lô số 8	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
387	OT18	Lô số 9	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
388	OT18	Lô số 10	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
389	OT18	Lô số 11	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
390	OT18	Lô số 12	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
391	OT18	Lô số 13	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
392	OT18	Lô số 14	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
393	OT18	Lô số 15	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
394	OT18	Lô số 16	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
395	OT18	Lô số 17	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
396	OT18	Lô số 18	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
397	OT18	Lô số 19	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
398	OT18	Lô số 20	253	109.296.000	21.859.000	100.000	3.000.000	
399	OT18	Lô số 21	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
400	OT18	Lô số 22	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
401	OT18	Lô số 23	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
402	OT18	Lô số 24	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	

403	OT18	Lô số 25	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
404	OT18	Lô số 26	253	109.296.000	21.859.000	100.000	3.000.000	
405	OT18	Lô số 27	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
406	OT18	Lô số 28	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
407	OT18	Lô số 29	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
408	OT18	Lô số 30	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
409	OT18	Lô số 31	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
410	OT18	Lô số 32	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
411	OT18	Lô số 33	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
412	OT18	Lô số 34	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
413	OT18	Lô số 35	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
414	OT18	Lô số 36	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
415	OT18	Lô số 37	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
416	OT18	Lô số 38	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
417	OT18	Lô số 39	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
418	OT18	Lô số 40	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
419	OT18	Lô số 41	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
420	OT18	Lô số 42	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
421	OT18	Lô số 43	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
422	OT18	Lô số 44	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	

423	OT18	Lô số 45	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
424	OT18	Lô số 46	253	109.296.000	21.859.000	100.000	3.000.000	
425	OT18	Lô số 47	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
426	OT18	Lô số 48	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
427	OT18	Lô số 49	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
428	OT18	Lô số 50	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
429	OT18	Lô số 51	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
430	OT18	Lô số 52	253	109.296.000	21.859.000	100.000	3.000.000	
XVIII	**KHU OT19**							
431	OT19	Lô số 1	324.5	133.045.000	26.609.000	100.000	3.000.000	
432	OT19	Lô số 2	324.2	132.922.000	26.584.000	100.000	3.000.000	
433	OT19	Lô số 3	324.2	132.922.000	26.584.000	100.000	3.000.000	
434	OT19	Lô số 4	324.2	132.922.000	26.584.000	100.000	3.000.000	
435	OT19	Lô số 5	367.4	150.634.000	30.126.000	100.000	3.000.000	
436	OT19	Lô số 6	323.6	132.676.000	26.535.000	100.000	3.000.000	
437	OT19	Lô số 7	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
438	OT19	Lô số 8	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
439	OT19	Lô số 9	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
440	OT19	Lô số 10	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
441	OT19	Lô số 11	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	

442	OT19	Lô số 12	256	116.480.000	23.296.000	100.000	3.000.000	
443	OT19	Lô số 13	256	116.480.000	23.296.000	100.000	3.000.000	
444	OT19	Lô số 14	256	116.480.000	23.296.000	100.000	3.000.000	
445	OT19	Lô số 15	256	116.480.000	23.296.000	100.000	3.000.000	
446	OT19	Lô số 16	236.4	113.235.600	22.647.000	100.000	3.000.000	
447	OT19	Lô số 17	323.2	145.763.200	29.152.000	100.000	3.000.000	
448	OT19	Lô số 18	323.2	145.763.200	29.152.000	100.000	3.000.000	
449	OT19	Lô số 19	323.2	145.763.200	29.152.000	100.000	3.000.000	
450	OT19	Lô số 20	322.8	145.582.800	29.152.000	100.000	3.000.000	
451	OT19	Lô số 21	322.4	145.402.400	29.080.000	100.000	3.000.000	
452	OT19	Lô số 22	322.4	145.402.400	29.080.000	100.000	3.000.000	
453	OT19	Lô số 23	322.4	145.402.400	29.080.000	100.000	3.000.000	
454	OT19	Lô số 24	322.4	145.402.400	29.080.000	100.000	3.000.000	
455	OT19	Lô số 25	322	145.222.000	29.044.000	100.000	3.000.000	
456	OT19	Lô số 26	321.6	145.041.600	29.008.000	100.000	3.000.000	
457	OT19	Lô số 27	321.6	145.041.600	29.008.000	100.000	3.000.000	
458	OT19	Lô số 28	321.6	145.041.600	29.008.000	100.000	3.000.000	
459	OT19	Lô số 29	391.7	176.656.700	35.331.000	100.000	3.000.000	

- Giá trúng đấu giá chưa bao gồm lệ phí trước bạ và phí địa chính. Khách hàng trúng đấu giá phải nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Mục đích sử dụng đất sau khi trúng đấu giá: Đất ở nông thôn.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Vị trí: Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

- Tiền mua hồ sơ nộp bằng tiền mặt.

- Tiền đặt trước nộp bằng chuyển khoản, vào tài khoản số 5100201009520 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum. Khách hàng nộp tiền đặt trước ngày 21, 22 và ngày 25/3/2024.

2. Tài sản đấu giá theo các hồ sơ giấy tờ:

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của UBND huyện Sa Thầy về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện Sa Thầy về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Sa Thầy về việc Điều chỉnh Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy và điều chỉnh, bổ sung phương án đấu giá quyền sử dụng đất Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy, về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại Làng Xộp, xã Mo Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (đợt 2); Thông báo số 42/CV-BQL ngày 04/3/2024 của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy.

Điều 2. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá.

1. Thời gian xem tài sản đấu giá: từ ngày thông báo đến ngày 25/3/2024.

2. Địa điểm xem tài sản đấu giá: Làng Xộp xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.

1. Thời gian: Từ ngày thông báo đến 10 giờ, ngày 25/3/2024.

2. Địa điểm: Tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum *(Số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) và* Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy *(74 Hùng Vương, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum).*

3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Cá nhân, Hộ gia đình thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại điều 55 của Luật đất đai năm 2013 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc vào trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 38, Luật đấu giá tài sản năm 2016.

- Người tham gia đấu giá đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

- Người đã đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước, nếu sau đó muốn rút lại đăng ký tham gia đấu giá phải thông báo xin rút trong thời hạn còn đăng ký tham gia đấu giá, thì được nhận lại tiền đặt trước.

Điều 4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ và phiếu trả giá.

1. Thời gian: Từ ngày thông báo đến 10 giờ ngày 25/3/2024.

2. Địa điểm: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum *(Số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)*.

Điều 5. Thời gian, địa điểm tổ chức buổi công bố giá.

1. Thời gian tổ chức buổi công bố giá: Bắt đầu 08 giờ 30 phút, ngày 28/3/2024.

2. Địa điểm tổ chức buổi công bố giá: Tại Hội trường UBND huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum.

Điều 6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.

Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp, theo phương thức trả giá lên, được quy định tại Điều 43, Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội. Cụ thể:

1. Khi đăng ký tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá được nhận phiếu trả giá, hướng dẫn về cách ghi phiếu, thời hạn nộp phiếu trả giá và buổi công bố giá; được tổ chức đấu giá tài sản giới thiệu từng tài sản đấu giá, nhắc lại giá khởi điểm trong trường hợp công khai giá khởi điểm, trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá và các nội dung khác theo Quy chế cuộc đấu giá.

2. Phiếu trả giá của người tham gia đấu giá phải được bọc bằng chất liệu bảo mật, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu. Phiếu trả giá được gửi qua đường bưu chính hoặc được nộp trực tiếp và được tổ chức đấu giá tài sản bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu phải được niêm phong ngay khi hết thời hạn nhận phiếu.

3. Tại buổi công bố giá đã trả của người tham gia đấu giá, đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá giới thiệu bản thân, người giúp việc; đọc Quy chế cuộc đấu giá; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá; công bố số phiếu phát ra, số phiếu thu về.

Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá mời ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát về sự nguyên vẹn của thùng phiếu. Nếu không còn ý kiến nào khác về kết quả giám sát thì đấu giá viên tiến hành bóc niêm phong của thùng phiếu.

Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá mời ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát sự nguyên vẹn của từng phiếu trả giá; tiến hành bóc từng phiếu trả giá, công bố số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả giá cao nhất và công bố người có phiếu trả giá cao nhất là người trúng đấu giá.

4. Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất thì ngay tại buổi công bố giá, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Đấu giá viên quyết định hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói hoặc đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp. Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

Điều 7. Thời hạn nộp tiền trúng đấu giá.

Thực hiện theo quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Sa Thầy về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, thời hạn nộp tiền trúng đấu giá được quy định như sau:

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định công nhận, phê duyệt kết quả trúng đấu giá của Ủy ban nhân dân huyện, Chi cục Thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất bằng văn bản cho người trúng đấu giá. Thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất gồm các nội dung quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Thời hạn nộp tiền sử dụng đất, thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, cụ thể:

- Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo thông báo.

- Chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo thông báo.

Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã nộp tiền cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài chính - Kế hoạch lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định hủy quyết định công nhận, phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp người trúng

đấu giá không nộp đủ tiền sử dụng đất trong vòng 120 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận, phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

Kể từ thời điểm công bố kết quả trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất (người trúng đấu giá).

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong vòng 120 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt, công nhận kết quả trúng đấu giá thì người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc; tiền đặt cọc được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ các khoản chi phí đấu giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp người trúng đấu giá nộp tiền sau khi có thông báo việc hủy Quyết định công nhận, phê duyệt kết quả đấu giá nhưng không quá 120 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt, công nhận kết quả trúng đấu giá được xem như là hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Người trúng đấu giá phải nộp thêm số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do Chi Cục thuế xác định. Số tiền chậm nộp được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

Điều 8. Những người không được đăng ký tham gia đấu giá.

1. Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

2. Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

3. Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật; Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của những người này;

4. Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

5. Người không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; người không thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 9. Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá.

1. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá.

2. Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để dìm giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

3. Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá.

4. Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

5. Người rút lại giá đã trả hoặc rút lại giá đã chấp nhận quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 50 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

Điều 10. Các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước.

Khách hàng tham gia đấu giá vi phạm một trong các trường hợp sau:

1. Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản 2016.

2. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

3. Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản 2016.

4. Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản 2016.

5. Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản 2016.

Điều 11. Thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá.

Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá phổ biến Quy chế cuộc đấu giá trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

Nơi nhận:
- Niêm yết tại Trung tâm DVĐGTS;
- Niêm yết tại UBND huyện Sa Thầy;
- Niêm yết tại UBND xã Mô Rai;
- Niêm yết tại BQL dự án ĐTXD huyện Sa Thầy;
- Khách hàng đăng ký đấu giá (Kèm hồ sơ);
- Lưu: VT, HS/ĐGTS.

GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP TỈNH KON TUM
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Đinh Xuân Thủy